TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/DS - ST
Ngày 10 tháng 01 năm 2024
"V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tô Thị Lành

2. Bà Doãn Thị Lệ

- Thư ký phiên toà: Ông Thủy Sơn Phương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 319/2023/TLST - DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 về "***Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2023/QĐXXST - DS ngày 11 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 161/2023/QĐST - DS ngày 29 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1978

Địa chỉ: Tổ 13, phường AP, thị xã AK, tỉnh Gia Lai.

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ 10, phường PĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai

(Giấy uỷ quyền công chứng số 007238 quyển số 11/2023 TP/CC - SCC/HĐGD ngày 12 tháng 10 năm 2023 tại Văn phòng công chứng TXH). Có mặt

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1984

Địa chỉ: 519 LD, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 10 năm 2023, bản tự khai ngày 12 tháng 10 năm 2023, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M - bà Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:

Ngày 20 tháng 11 năm 2016 bà Phạm Thị N vay của bà Nguyễn Thị Ngọc M số tiền 290.000.000 (hai trăm chín mươi triệu) đồng, thời hạn trả là ngày 20 tháng 6 năm 2017. Quá thời hạn cam kết bà Phạm Thị N chỉ mới trả được 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng. Số tiền còn lại là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng bà M đã nhiều lần yêu cầu bà N hoàn trả nhưng bà cứ hứa hẹn mà không thực hiện mặc dù bà N hoàn toàn có khả năng thanh toán cho bà M. Nay bà Nguyễn Thị Ngọc M khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị N phải trả cho bà M số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Theo bản tự khai ngày 30 tháng 10 năm 2023, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị N trình bày:

Năm 2015 do là hàng xóm bà có vay của vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc L, ông Dương Văn T số tiền 190.000.000 (một trăm chín mươi triệu) đồng, lãi suất 6%/tháng, bà đưa số tiền này cho em trai Phạm Ngọc S làm ăn, tiền lãi phải trả hàng tháng là 11.400.000 đồng, bà đã trả đủ tiền lãi từ năm 2015 đến năm 2016.

Biết ông Phạm Ngọc S làm ăn thuận lợi, ông T trực tiếp đưa cho ông S số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng để góp vốn làm ăn chung, tiền lời chia hai. Ông T, bà L và bà thống nhất bà viết và ký giấy vay tiền mục đích để ông S có trách nhiệm trong việc làm ăn, chia tiền lời và ông T, bà L yên tâm góp vốn. Lúc đầu việc làm ăn thuận lợi, tiền lời được chia sòng phẳng. Khi việc làm ăn thất bại, tiền vốn thất thoát, tiền lời không còn được chia như trước nữa. Ông T, bà L bắt buộc bà phải trả lãi số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất 12%/tháng, tiền lãi trả hàng tháng là 12.000.000 đồng. Bà đã trả được 03 tháng là 36.000.000 (ba mươi sáu triệu) đồng đến tháng thứ 04 bà không trả được vì tiền lãi quá cao. Ông T, bà L nhiều lần đưa giang hồ xuống nhà bà dọa nạt, phá đồ đạc, đòi bắt cóc các con làm ảnh hưởng đến tinh thần, sức khỏe, làm gia đình bà hoang mang, lo sợ. Bà đã trình báo đến Công an phường TL, chồng bà ông Vũ Văn T đã báo đến Lữ đoàn 234 và Quân đoàn 3. Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3 đã trực tiếp gặp gỡ và giải quyết xong xác định ông Vũ Văn T không liên quan đến việc vay tiền. Việc vay tiền giữa bà và ông T, bà L cũng như góp vốn làm ăn chung với ông Phạm Ngọc S là đúng sự thật chứ bà không biết bà Nguyễn Thị Ngọc M là ai.

Khoản nợ này bà đã trả được 90.000.000 đồng hiện còn nợ 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, do tình hình dịch covid, kinh tế khó khăn chung, hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, lương của công nhân quét rác phải nuôi 02 con ăn học, trả tiền thuê nhà, bản thân bà làm việc nặng nhọc, độc hại nên thường xuyên đau ốm. Do đó bà đề nghị trả dần khoản nợ này, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P có ý kiến như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, xác minh, thu thập chứng cứ, thông báo về việc giao nộp, tiếp

cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như trình tự phiên tòa. Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Các đương sự đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc M, buộc bà Phạm Thị N trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc M số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng. Bà Phạm Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá hạn trả nợ vào ngày 20 tháng 6 năm 2017, bà Phạm Thị N không thực hiện đúng nghĩa vụ theo cam kết tại Giấy vay tiền ngày 20 tháng 11 năm 2016 cho bà Nguyễn Thị Ngọc M nên bà M đã phát sinh quyền khởi kiện.

Tranh chấp phát sinh từ Giấy vay tiền ngày 20 tháng 11 năm 2016 nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự cụ thể là Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản; bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố P nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

Quá trình tham gia tố tụng, bà Nguyễn Thị Ngọc L nêu rõ nguồn gốc khoản tiền cho bà Phạm Thị N vay hoàn toàn là tài sản của bà Nguyễn Thị Ngọc M, giữa bà L và bà N không lập riêng văn bản khác liên quan đến số tiền 290.000.000 (hai trăm chín mươi triệu) đồng nên Tòa án không đưa bà Nguyễn Thị Ngọc L tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Theo nội dung công văn số 1441/CV - BVAN ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Phòng Bảo vệ An ninh Cục Chính trị Quân đoàn 3 "*Để khắc phục số tiền mà vợ mình đã vay, đồng chí T đã nhận trách nhiệm cùng với vợ hàng tháng sau khi nhận lương sẽ trả cho bà M và vợ chồng đồng chí T là cô Nguyễn Thị Ngọc L số tiền 7.000.000 đồng.*.", nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M không yêu cầu ông Vũ Văn T thực hiện nghĩa vụ trả nợ cùng với bà Phạm Thị N, ông T không đồng ý tiếp tục nhận trách nhiệm trả khoản nợ này cùng bà N. Do đó Tòa án không đưa ông Vũ Văn T tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Giấy vay tiền ngày 20 tháng 11 năm 2016 thể hiện nội dung:

"*Tôi có vay của chị: Nguyễn Thị Ngọc M. Hiện ở tại thị xã AK số tiền 290.000.000đ (Hai trăm chín mươi triệu đồng)từ ngày 20/11/2016 đến ngày 20/6/2017 tôi sẽ trả dần số tiền trên cho chị"*

Bà Nguyễn Thị N thừa nhận toàn bộ nội dung Giấy vay tiền ngày 20 tháng 11 năm 2016 do bà tự viết, ký và ghi họ tên bên dưới mục "*Người vay*" để ông Dương Văn T, bà Nguyễn Thị Ngọc L tin tưởng góp vốn với em trai bà Phạm Ngọc S. Như vậy, dù mục đích khi lập giấy vay tiền của bà N không hoàn toàn là việc vay mượn nhưng chắc chắn văn bản này được lập trên cơ sở tự nguyện.

Số tiền vay 290.000.000 (hai trăm chín mươi triệu) đồng được ghi trên Giấy vay tiền ngày 20 tháng 11 năm 2016 phù hợp với khoản vay 190.000.000 (một trăm chín mươi triệu)

đồng của bà N và khoản tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng theo bà N trình bày được ông T trực tiếp giao cho ông S. Bà N không chứng minh được khoản tiền 100.000.000 đồng là tiền góp vốn cùng với quá trình tham gia tố tụng, bản thân bà N cũng không chối bỏ trách nhiệm đối với số tiền 290.000.000 đồng, cụ thể bà đã trả được 90.000.000 đồng. Điều này cho thấy, các bên giao dịch số tiền 290.000.000 đồng là có thực, bản chất ban đầu của số tiền 290.000.000 đồng có thể không hoàn toàn là tiền vay nhưng từ thời điểm lập giấy vay tiền thì toàn bộ khoản tiền này đã trở thành tiền vay và nghĩa vụ trả nợ chỉ còn thuộc về một cá nhân là bà Phạm Thị N.

Khi lập Giấy vay tiền ngày 20 tháng 11 năm 2016 bà N hoàn toàn có đủ năng lực hành vi dân sự để nhận thức bà viết giấy vay tiền của cá nhân nào đồng thời bà L nêu rõ tiền cho vay là tài sản của cá nhân bà Nguyễn Thị Ngọc M. Do vậy có cơ sở xác định đây là khoản tiền bà N vay của bà M, hiện đã trả được 90.000.000 đồng và hiện còn nợ 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Giấy vay tiền ngày 20 tháng 11 năm 2016 là hình thức văn bản của giao dịch vay tiền, mặc dù không thể hiện đầy đủ nội dung của hợp đồng vay tài sản nhưng được lập trên cơ sở tự nguyện giữa các bên, đối tượng giao kết hợp đồng phù hợp quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Theo đó hạn trả toàn bộ số nợ là ngày 20 tháng 6 năm 2017, bà Phạm Thị N chỉ mới trả được 90.000.000 đồng nên yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc M là hoàn toàn có căn cứ.

Về tiền lãi và lãi suất: Do các bên không thỏa thuận về lãi suất và bà Nguyễn Thị Ngọc M cũng không yêu cầu giải quyết về tiền lãi nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Như vậy có cơ sở xác định, bà Phạm Thị N nợ tiền vay của bà Nguyễn Thị Ngọc M, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên cần buộc bà Phạm Thị N trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc M số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc M được chấp nhận nên bà Phạm Thị N phải chịu án phí

200.000.000 đồng x 5% = 10.000.000 (mười triệu) đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 117, Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 4, 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 2 Điều 97, Điều 186, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc M về việc yêu cầu bà Phạm Thị N thanh toán nợ vay.

Buộc bà Phạm Thị N trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc M số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

Bà Phạm Thị N phải chịu 10.000.000 (mười triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Ngọc M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 (năm triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0001449 ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố P.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy dịnh tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự và và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký
Võ Thị Thanh Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**